

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Số: 15/2017/TT-BNNPTNT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

THÔNG TƯ

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA THÔNG TƯ SỐ 03/2016/TT-BNNPTNT NGÀY 21/4/2016 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VỀ BAN HÀNH DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG, CẤM SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM; CÔNG BỐ MÃ HS ĐỐI VỚI THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG, CẤM SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM.

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 03/2016/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 4 năm 2016 về ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam; công bố mã HS đối với thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 03/2016/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam; công bố mã HS đối với thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam, gồm:

1. Sửa đổi tên tổ chức đề nghị đăng ký: 7 trường hợp (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này).
2. Các thuốc bảo vệ thực vật đăng ký chính thức vào Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này), bao gồm:
 - a) Thuốc trừ bệnh: 1 hoạt chất, 1 tên thương phẩm;
 - b) Thuốc trừ cỏ: 4 hoạt chất với 4 tên thương phẩm.
3. Các thuốc bảo vệ thực vật đăng ký bổ sung vào Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này), bao gồm:
 - a) Thuốc trừ sâu: 148 loại thuốc;
 - b) Thuốc trừ bệnh: 138 loại thuốc;
 - c) Thuốc trừ cỏ: 44 loại thuốc;
 - d) Thuốc điều hòa sinh trưởng: 16 loại thuốc;
 - đ) Thuốc trừ ốc: 09 loại thuốc;
 - e) Chất dẫn dụ: 2 loại thuốc;
 - g) Thuốc trừ mối: 1 loại thuốc.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2017.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ;
- Công báo Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ NN và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ liên quan;
- Tổng Cục Hải quan;
- Chi cục BVTV các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, BVTV (156 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quốc Danh

PHỤ LỤC I

SỬA ĐỔI TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)

TT	Tên hoạt chất	Tên thương phẩm	Đã quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 4 năm 2016	Sửa đổi lại
1.	Acephate	BM Promax 75WP	Behn Meyer Agcare LLP	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
2.	Dazomet	Basamid Granular 97MG	Behn Meyer Agcare LLP	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
3.	Diuron	BM Diuron 80 WP	Behn Meyer Agcare LLP	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
4.	Glyphosate	BM - Glyphosate 41 SL	Behn Meyer Agcare LLP	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
5.	Glyphosate IP A salt 360g/l + Metsulfuron methyl 15g/l	Weedall 375 SL	Behn Meyer Agcare LLP	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
5.	Propanil (DCPA)	Bm Weedclean 80WG	Behn Meyer Agcare LLP	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
7.	Paclobutrazol	Palove gold 15WP	Công ty TNHH TM Nông Phát	Công ty TNHH TM DV Đức Nông

PHỤ LỤC II

CÁC LOẠI THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC ĐĂNG KÝ CHÍNH THỨC VÀO DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG Ở VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)

TT	MÃ HS	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	TÊN HOẠT CHẤT NGUYÊN LIỆU (COMMON NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (CROP/ PEST)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
1. Thuốc trừ bệnh					
1.	3808	Tiêu tuyến trùng 18EC	Tinh dầu quế	Tuyến trùng/cà rốt, hồ tiêu, cà phê	Công ty TNHH DV KHKT Khoa Đăng
2. Thuốc trừ cỏ					
1.	3808	Ang.tieuco 300SC	Benzobicylon (min 97%)	Cỏ/lúa sạ	Công ty TNHH An Nông
2.	3808	Midori 25SL	Fomesafen (min 95%)	Cỏ/đậu tương	Công ty CP Hóc Môn
3.	3808	Minarin 500WP	Nicosulfuron (min 94%)	Cỏ/ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
4.	3808	Voi đỏ 750WP	Flazasulfuron (min 95%)	Cỏ/ mía	Công ty TNHH An Nông

PHỤ LỤC III

CÁC LOẠI THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG VÀO DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG Ở VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).

TT	MÃ HS	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	TÊN HOẠT CHẤT NGUYÊN LIỆU (COMMON NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (CROP/ PEST)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
1. Thuốc trừ sâu					
1.	3808	Abamine 1.8EC, 3.6EC	Abamectin	1.8EC: Nhện gié/ lúa 3.6EC: Sâu đục ngọn/ điều; sâu cuốn lá, nhện gié/ lúa	Công ty CP Thanh Điền
2.	3808	Abinsec 1.8EC	Abamectin	Sâu cuốn lá/ lúa	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
3.	3808	Achony 35WP	Chlorpyrifos ethyl 14% + Acephate 21%	Sâu năn/ lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yển
4.	3808	Actinovate 1SP	<i>Streptomyces lydicus</i> WYEC 108	Tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
5.	3808	Adomate 100SC	Fipronil 50g/l + Indoxacarb 50g/l	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
6.	3808	Amitage 200EC	Carbosulfan	Mọt đục cành, rệp sáp/ cà phê; tuyến trùng/ hồ tiêu	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
7.	3808	Anboom 48EC	Chlorpyrifos ethyl	Rệp sáp/ cà phê, sắn; rệp bông xo trắng/ mía	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
8.	3808	Andomec 9.0EC	Abamectin	Sâu cuốn lá/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
9.	3808	Andousa 100WG	Emamectin benzoate 50g/kg + Fipronil 50g/kg	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
10.	3808	Anhosan 790EC	Chlorpyrifos ethyl 10g/l + Fenobucarb 480g/l + Phenthoate 300g/l	Rầy nâu, nhện gié/ lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
11.	3808	Anisaf SH-01 2SL	Polyphenol chiết xuất từ Bồ kết (<i>Gleditschia australis</i>), Hy thiêm (<i>Siegesbeckiaorientalis</i>), Đơn buốt (<i>Bidenspilosa</i>), Cúc liên chi đại (<i>Parthenium hysterophorus</i>)	Sâu đục cuống quả/ vải, rệp sáp/ cà phê	Viện Nghiên cứu đào tạo và tư vấn KHCN(ITC)
12.	3808	Anocis 250WP, 300WP	Dinotefuran 200g/kg (200g/kg) + Imidacloprid 50g/kg (100g/kg)	Rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
13.	3808	Ansuco 42EC, 82EC, 260WG	Emamectin benzoate	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ

14.	3808	Atabron 50EC	Chlorfluazuron	Sâu xanh da láng/ hành	Sumitomo Corporation Vietnam LL
15.	3808	Bạch hổ 150SC	Chlorfenapyr 100g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Nhện gié, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân, bọ trĩ/ lúa; sâu xanh/bông vải; bọ trĩ/điều; dòi đục lá/hoa cúc	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
16.	3808	Batcasa 700EC	Fenobucarb 450g/l + Trichlorfon 250g/l	Rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
17.	3808	Bavella 99.9EC	Abamectin 30g/l + Lambda cyhalothrin 50g/l + Phoxim 19.9g/l	Rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
18.	3808	Berry 110EC	Chlorfenapyr 10g/l + Chlorfluazuron 100g/l	Rầy lưng trắng/ lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
19.	3808	Biffiny 600FS	Imidacloprid	Xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
20.	3808	Binh tac 20EC	Amitraz	Nhện gié/ lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
21.	3808	Biograp 600WG, 650WG, 700WG	Fipronil 100g/kg (150g/kg) (150g/kg) + Pymetrozine 500g/kg (500g/kg) (550g/kg)	600WG: Rầy nâu/lúa 650WG, 700WG: Sâu cuốn lá, rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
22.	3808	Bn-Samix 26 EC	Chlorfluazuron 10% + Chlorpyrifos Ethyl 16%	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
23.	3808	Boema 50EC	Emamectin benzoate	Nhện đỏ/ cam	Công ty CP SAM
24.	3808	Bolo 25SC	Buprofezin	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
25.	3808	Cagent 3GR	Fipronil	Sâu đục thân/ mía	Công ty CP Thuốc sát trùng Cần Thơ
26.	3808	Supper Chipusa 10EC	Acetamiprid 5% + Fipronil 5%	Rầy nâu/ lúa	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
27.	3808	Checsusa 250EC, 250WG, 650EC	Acetamiprid 50g/l (240g/kg), (100g/l) + Chlorpyrifos Ethyl 200g/l (10g/kg), (550g/l)	250EC: Rệp sáp/ cà phê 250WG: Rệp bông xo/ mía 650EC: Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược QT Nhật Bản
28.	3808	Cherray 700WG	Pymetrozine 500g/kg+ Imidacloprid 200g/kg	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
29.	3808	Chessshop 600WG	Fipronil 100g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Nhện gié/ lúa, rệp sáp/ cà phê	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
30.	3808	Chet 810WG	Pymetrozine 10 g/kg + Fipronil 800 g/kg	Sâu phao/ lúa	Công ty TNHH Việt Đức
31.	3808	Chetsau 100WG	Emamectin benzoate 50g/kg +	Sâu xanh/ thuốc lá	Công ty TNHH SX và KD Tam